

Thi Học Kỳ 1 Môn Hóa Học Lớp 12 Đề Số 1

Câu 1: Cho các chất: etyl axetat, anilin, ancol etylic, axit acrylic, phenol, phenylamoni clorua, ancol benzylic, p-crezol. Trong các chất này, số chất tác dụng được với dung dịch NaOH là

- A. 5. B. 4. C. 6. D. 3.

Câu 2: Este etyl fomat có công thức là

- A. HCOOC_2H_5 . B. $\text{HCOOCH}=\text{CH}_2$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$. D. HCOOCH_3 .

Câu 3: Chất thuộc loại disaccarit là

- A. xenlulozơ. B. glucozơ. C. saccarozơ. D. fructozơ.

Câu 4: Phân tử khối trung bình của PVC là 750000. Hệ số polime hoá của PVC là

- A. 25.000 B. 15.000 C. 24.000 D. 12.000

Câu 5: Phân tử khối trung bình của xenlulozơ là 1 620 000. Giá trị n trong công thức $(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n$ là

- A. 7000 B. 10000 C. 9000 D. 8000

Câu 6: Số đồng phân amin có công thức phân tử $\text{C}_3\text{H}_9\text{N}$ là

- A. 5. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 7: Xà phòng hoá hoàn toàn 17,24 gam chất béo cần vừa đủ 0,06 mol NaOH. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được khối lượng xà phòng là

- A. 16,68 gam. B. 18,24 gam. C. 17,80 gam. D. 18,38 gam.

Câu 8: Nhận xét nào sau đây sai?

- A. Glucozơ được dùng làm thuốc tăng lực cho người già, trẻ em, người ốm.
B. Xenlulozơ có phản ứng màu với iot.
C. Tinh bột là một trong số nguồn cung cấp năng lượng cho cơ thể.
D. Gỗ được dùng để chế biến thành giấy.

Câu 9: Khi thủy phân chất béo trong môi trường kiềm thì thu được muối của axit béo và

- A. este đơn chức. B. phenol. C. ancol đơn chức. D. glixerol.

Câu 10: Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch

- A. KOH. B. HNO_3 loãng. C. H_2SO_4 loãng. D. HCl.

Câu 11: Trong các chất sau, chất nào là amin bậc 2?

- A. $\text{CH}_3-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{NH}_2$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$
C. $\text{H}_2\text{N}-[\text{CH}_2]_6-\text{NH}_2$ D. $\text{CH}_3-\text{NH}-\text{CH}_3$

Câu 12: Cho hỗn hợp 2 aminoaxit no chứa 1 chức axit và 1 chức amino tác dụng với 110 ml dung dịch HCl 2M được dung dịch X. Để tác dụng hết với các chất trong X, cần dùng 140 ml dung dịch KOH 3M. Tổng số mol 2 aminoaxit là

- A. 0,2. B. 0,4. C. 0,3. D. 0,1.

Câu 13: Tơ nylon -6,6 thuộc loại

- A. tơ tổng hợp. B. tơ thiên nhiên. C. tơ nhân tạo. D. tơ bán tổng hợp.

Câu 14: Thủy phân hết hỗn hợp gồm m gam tetrapeptit Ala-Gly-Ala-Gly (mạch hở) thu được hỗn hợp gồm 21,7 gam Ala-Gly-Ala; 8,9 gam Ala và 14,6 gam Ala – Gly. Giá trị của m là

- A. 41,1 gam. B. 43,8 gam. C. 42,16 gam. D. 34,8 gam

Câu 15: Cho anilin tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl thu được 38,85 gam muối. Khối lượng anilin đã phản ứng là

- A. 18,6g B. 37,2g C. 27,9g. D. 9,3g

Câu 16: Có bao nhiêu tripeptit mà phân tử chứa 3 gốc amino axit khác nhau?

- A. 3 chất. B. 5 chất. C. 6 chất. D. 8 chất.

Câu 17: Có thể gọi tên este $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$ là

- A. Stearic B. tristearin C. triolein D. tripanmitin

Câu 18: Kim loại nào sau đây có độ cứng lớn nhất trong tất cả các kim loại?

- A. Đồng B. Vonfam. C. Crom D. Sắt

Câu 19: Tráng bạc hoàn toàn m gam glucozơ thu được 86,4 gam Ag. Nếu lên men hoàn toàn m gam glucozơ rồi cho khí CO₂ thu được hấp thụ vào nước vôi trong dư thì lượng kết tủa thu được là

- A. 20g. B. 80g. C. 40g. D. 60g.

Câu 20: Hòa tan 6,5 gam Zn trong dung dịch axit HCl dư, sau phản ứng cô cạn dung dịch thì số gam muối khan thu được là (Cho H = 1, Zn = 65, Cl = 35,5)

- A. 14,96 gam. B. 13,6 gam. C. 20,7 gam. D. 27,2 gam.

Câu 21: Tên gọi của polime có công thức $(-CH_2-CH_2-)_n$ là

- A. polistiren. B. polietilen.
C. polivinyl clorua. D. polimetyl metacrylat.

Câu 22: Amino axit là hợp chất hữu cơ trong phân tử

- A. chỉ chứa nhóm amino. B. chỉ chứa nhóm cacboxyl.
C. chỉ chứa nitơ hoặc cacbon. D. chứa nhóm cacboxyl và nhóm amino.

Câu 23: Số đồng phân đơn chức ứng với công thức phân tử C₃H₆O₂ là

A. 4.

B. 2.

C. 5.

D. 3.

Câu 24: Xà phòng hoá hoàn toàn m gam một este no, đơn chức, mạch hở E bằng 26 gam dung dịch MOH 28% (M là kim loại kiềm). Cô cạn hỗn hợp sau phản ứng thu được 24,72 gam chất lỏng X và 10,08 gam chất rắn khan Y. Đốt cháy hoàn toàn Y, thu được sản phẩm gồm CO₂, H₂O và 8,97 gam muối cacbonat khan. Mặt khác, cho X tác dụng với Na dư, thu được 12,768 lít khí H₂ (đktc). Phần trăm khối lượng muối trong Y có giá trị gần nhất với

A. 80,0.

B. 97,5.

C. 67,5.

D. 85,0.

Câu 25: Cho các hình ảnh



A. Cây mía

B. Khoai lang

C. Nho

D. Sợi bông

Thứ tự các loại cacbohidrat có nhiều trong hình A, B, C, D lần lượt là

A. Saccarozơ, tinh bột, glucozơ, xenlulozơ.

B. Mantozơ, xenlulozơ, glucozơ, tinh bột.

C. Mantozơ, tinh bột, frutozơ, xenlulozơ.

D. Saccarozơ, tinh bột, frutozơ, xenlulozơ.

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN MÃ ĐỀ 132

1	A	6	C	11	D	16	C	21	B
2	A	7	C	12	A	17	C	22	D
3	C	8	B	13	A	18	C	23	D
4	D	9	D	14	A	19	B	24	D
5	B	10	B	15	C	20	B	25	A

Thi Học Kỳ 1 Môn Hóa Học Lớp 12 Đề Số 2

Câu 1: Một este có công thức phân tử là $C_3H_6O_2$ có phản ứng tráng gương. Công thức cấu tạo thu gọn của este đó là:

- A. $HCOOC_2H_5$ B. CH_3COOCH_3 C. $C_2H_5COOCH_3$ D. $HCOOC_3H_7$

Câu 2: Cho phản ứng hóa học: $Fe + CuSO_4 \rightarrow FeSO_4 + Cu$. Trong phản ứng trên xảy ra:

- A. Sự oxi hóa Fe và sự khử Cu
B. Sự oxi hóa Fe và sự khử Cu^{2+}
C. Sự khử Fe^{2+} và sự oxi hóa Cu
D. Sự oxi hóa Fe^{2+} và sự khử Cu^{2+}

Câu 3: Tráng gương hoàn toàn một dung dịch chứa 12,15g glucozơ bằng $AgNO_3$ trong dung dịch NH_3 , đun nhẹ. Khối lượng Ag phủ lên gương là (C = 12, H = 1, O = 16, Ag = 108):

- A. 29,16g B. 14,58g C. 7,29g D. 16,2g

Câu 4: Xà phòng hóa hoàn toàn 8,8g CH_3COOCH_3 bằng một lượng dung dịch NaOH vừa đủ. Cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được m gam muối khan. Giá trị của m là:

- A. 16,4 B. 4,1 C. 3,2 D. 8,2

Câu 5: Hòa tan hoàn toàn 3,2g Cu bằng dung dịch HNO_3 thu được V lít NO_2 (duy nhất, đktc). Giá trị của V là (Cu = 64, N = 14, O = 16)

- A. 2,24 B. 0,28 C. 0,75 D. 1,12

Câu 6: Trong các loại tơ sau: tơ tằm, tơ visco, tơ nilon-6,6, tơ axetat, tơ capron, tơ enang, những loại tơ nào thuộc loại tơ nhân tạo:

- A. tơ visco và tơ axetat
- B. tơ visco và tơ nilon-6,6
- C. tơ nilon-6,6 và tơ capron
- D. tơ tằm và tơ enang

Câu 7: Có bao nhiêu đồng phân amino axit (với nhóm amin bậc nhất) ứng với CTPT $C_4H_9NO_2$:

- A. 5
- B. 4
- C. 2
- D. 3

Câu 8: Hỗn hợp X gồm CuO và Fe_2O_3 . Hòa tan hoàn toàn 44g X bằng dd HCl dư, sau pứ thu được dd chứa 85,25g muối. Mặt khác, nếu khử hoàn toàn 22g X bằng CO (dư), cho hỗn hợp khí thu được sau pứ lội từ từ qua dd $Ba(OH)_2$ dư thì thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là:

- A. 76,755
- B. 78,875
- C. 73,875
- D. 147,750

Câu 9: Đun nóng m gam hỗn hợp gồm a mol tetrapeptit mạch hở và 2a mol tripeptit mạch hở Y với

600 ml dd NaOH 1M (vừa đủ). Sau khi các pứ kết thúc, cô cạn dd thu được 72,48g muối khan của các amino axit đều có 1 nhóm $-COOH$ và 1 nhóm $-NH_2$ trong phân tử. Giá trị của m là (C = 12, H = 1, N = 14, Na = 23, O = 16):

- A. 66,00
- B. 44,48
- C. 54,30
- D. 51,72

Câu 10: Chất không có khả năng pứ với dung dịch $AgNO_3/NH_3$ (đun nóng) giải phóng Ag là:

- A. etyl fomat
- B. glucozơ
- C. fomandehit
- D. axit axetic

Câu 11: Trong các chất sau đây, chất nào có nhiệt độ sôi cao nhất:

- A. C_2H_5OH B. CH_3COOCH_3 C. CH_3COOH D. $HCOOH$

Câu 12: Đun 6g CH_3COOH với C_2H_5OH dư (xúc tác H_2SO_4 đặc), thu được 5,5g este. Hiệu suất của phản ứng este hóa tính theo axit là (C = 12, H = 1, O = 16):

- A. 50% B. 62,5% C. 74,3% D. 75%

Câu 13: Cho m gam bột Fe vào dung dịch hỗn hợp gồm 0,15 mol $CuSO_4$ và 0,2 mol HCl. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,725m gam hỗn hợp kim loại. Giá trị của m là:

- A. 16 B. 18 C. 16,8 D. 11,2

Câu 14: Thuốc thử được dùng để phân biệt Gly-Ala-Gly với Gly-Ala là:

- A. dung dịch NaCl. B. Dung dịch NaOH
C. $Cu(OH)_2$ trong môi trường kiềm. D. dung dịch HCl.

Câu 15: Hợp chất X có công thức cấu tạo: $CH_3COOCH_2CH_3$. Tên gọi của X là:

- A. metyl axetat B. metyl propionat C. propyl axetat D. etyl axetat

Câu 16: Dung dịch nào sau đây làm quỳ tím hóa xanh:

- A. CH_3COOH B. $C_6H_5NH_2$ C. $C_2H_5NH_2$ D. C_2H_5OH

Câu 17: Cho 0,5g một kim loại hóa trị II phản ứng hết với dung dịch H_2SO_4 dư, thu được 0,28 lít H_2 (đktc). Kim loại đó là (Ca = 40, Fe = 56, Mg = 24, Ba = 137):

- A. Ba B. Mg C. Fe D. Ca

Câu 18: Cho dãy các kim loại: Zn, Cu, Fe, Al, Sn, Ag, Ca. Số kim loại trong dãy có thể tác dụng với dung dịch H_2SO_4 loãng là:

- A. 3 B. 6 C. 4 D. 5

Câu 19: Phát biểu nào sau đây đúng:

- A. Dung dịch etylamin và anilin đều làm quỳ tím hóa xanh
B. Có thể phân biệt các dung dịch: $C_2H_5NH_2$, NH_2CH_2COOH và CH_3COOH bằng quỳ tím
C. Có thể phân biệt phenol và anilin bằng dung dịch brom
D. Glucozơ bị khử khi tác dụng với dd $AgNO_3/NH_3$

Câu 20: Polime dùng để chế tạo thủy tinh hữu cơ (plexiglas) được điều chế bằng phản ứng trùng hợp của chất nào sau đây:

- A. $C_6H_5CH=CH_2$ B. $CH_2=C(CH_3)COOCH_3$
C. $CH_2=CHCOOCH_3$ D. $CH_3COOCH=CH_2$

Câu 21: Cho các chất: alanin, phenol, anilin, phenyl amoniclorua, ancol etylic, axit axetic. Số chất phản ứng được với dung dịch NaOH là:

- A. 2 B. 5 C. 3 D. 4

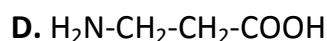
Câu 22: Kim loại nào sau đây dẫn điện tốt nhất trong tất cả các kim loại:

- A. Bạc B. Vàng C. Nhôm D. Đồng

Câu 23: Dãy kim loại tác dụng với nước ở nhiệt độ thường là:

- A. K, Na, Ca, Ba B. Cu, Pb, Rb, Ag C. Fe, Zn, Li, Sn D. Al, Hg, Cs, Sr

Câu 24: Công thức cấu tạo của glixin là:



Câu 25: Đốt cháy hoàn toàn chất hữu cơ nào sau đây thu được sản phẩm có chứa N_2 :

A. Chất béo

B. Tinh bột

C. Protein

D. Xenlulozơ

Câu 26: Cho 15 gam hỗn hợp bột kim loại gồm Zn và Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc) và m gam chất rắn không tan. Giá trị của m là (Zn = 65, Cu = 64, H = 1, Cl = 35,5):

A. 2,0

B. 6,4

C. 8,5

D. 13

Câu 27: Cho các chất: lòng trắng trứng, glixerol, glucozơ, saccarozơ, tinh bột, axit axetic, etyl axetat. Số chất tác dụng được với $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch xanh lam là:

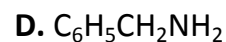
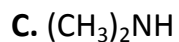
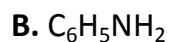
A. 5

B. 4

C. 2

D. 3

Câu 28: Trong các chất dưới đây chất nào có lực bazơ mạnh nhất:



Câu 29: Chất béo là tri este của axit béo với:

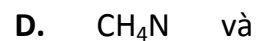
A. ancol metylic

B. etylen glicol

C. glixerol

D. ancol etylic

Câu 30: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm 2 amin no, đơn chức đồng đẳng kế tiếp, thu được 22g CO_2 và 14,4g H_2O . CTPT của hai amin là (C = 12, H=1, N=14, O=16):



Câu 31: Cho luồng khí CO dư đi qua hỗn hợp gồm CuO, PbO, Al₂O₃ và MgO (nung nóng). Khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn gồm:

- A. Cu, Pb, MgO, Al₂O₃
- B. Cu, Mg, PbO, Al₂O₃
- C. Cu, Pb, Mg, Al₂O₃
- D. Cu, Pb, Al, MgO

Câu 32: CH₃COOCH₃ và CH₃COOH đều tác dụng được với :

- A. HCl
- B. Zn
- C. NaOH
- D. CaCO₃

Câu 33: X là một amino axit chỉ chứa một nhóm -NH₂ và một nhóm -COOH. Cho 0,89g X phản ứng vừa đủ với HCl tạo ra 1,255g muối. CTCT của X là (C=12, H=1, O=16, N=14):

- A. CH₃-CH₂-CH₂-CH(NH₂)-COOH
- B. CH₃-CH(NH₂)-COOH
- C. CH₃-CH(NH₂)-CH₂-COOH
- D. NH₂-CH₂-COOH

Câu 34: Cho 3,12g Mg tác dụng với dung dịch HNO₃ (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được 1,344 lít khí NO (đktc) và dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thì thu được bao nhiêu gam muối khan (Mg = 24, N = 14, O = 16, H = 1):

- A. 19,24
- B. 5,92
- C. 13,32
- D. 20,04

Câu 35: Trong các ion sau đây, ion nào có tính oxi hóa mạnh nhất:

- A. Ca²⁺
- B. Cu²⁺
- C. Ag⁺
- D. Zn²⁺

Câu 36: Cho phản ứng sau: $\text{Fe} + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{NO} + \text{H}_2\text{O}$. Tổng hệ số (là số nguyên tối giản) trong phản ứng giữa trên là:

A. 10

B. 9

C. 11

D. 8

Câu 37: Tinh bột, xenlulozơ, saccarozơ đều có khả năng tham gia phản ứng:

A. tráng gương

B. $\text{Cu}(\text{OH})_2$

C. tráng gương

D. thủy phân

Câu 38: Cho các cặp kim loại nguyên chất tiếp xúc trực tiếp với nhau: Fe và Cu, Fe và Mg, Fe và Sn, Fe và Ni. Khi nhúng các cặp kim loại trên vào dung dịch axit, số cặp kim loại trong đó Fe bị phá hủy trước là:

A. 3

B. 1

C. 4

D. 2

Câu 39: Phản ứng điều chế kim loại nào dưới đây thuộc phương pháp thủy luyện:

A. $\text{MgCl}_2 \rightarrow \text{Mg} + \text{Cl}_2$ B. $\text{C} + \text{ZnO} \xrightarrow{t^\circ} \text{Zn} + \text{CO}$ C. $\text{Zn} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{ZnSO}_4 + \text{Cu}$ D. $2\text{Al}_2\text{O}_3 \rightarrow 4\text{Al} + 3\text{O}_2$

Câu 40: Những cacbohidrat không tham gia phản ứng thủy phân là:

A. glucozơ, xenlulozơ

B. glucozơ, tinh bột

C. xenlulozơ, tinh bột.

D. glucozơ, fructozơ

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN HÓA HỌC LỚP 12

1	A	11	C	21	D	31	A
2	B	12	B	22	A	32	C
3	B	13	A	23	A	33	B
4	D	14	C	24	B	34	D
5	A	15	D	25	C	35	C
6	A	16	C	26	A	36	B
7	A	17	D	27	B	37	D
8	C	18	D	28	C	38	A
9	D	19	B	29	C	39	C
10	D	20	B	30	B	40	D

Thi Học Kỳ 1 Môn Hóa Học Lớp 12 Đề Số 3

Câu 1: Hợp chất $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_3$ có tên gọi là:

- A. Metyl axetat B. Metyl propionat C. Etyl axetat D. Etyl fommat

Câu 2: Có bao nhiêu đồng phân cấu tạo este có cùng CTPT $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 3: Đốt cháy hoàn toàn 0,33g một este đơn chức thu được 0,66g CO_2 và 0,27g H_2O . Vậy CTPT của ancol và axit tạo este là công thức nào sau đây?

- A. CH_4O , CH_2O_2 B. CH_4O , $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$ C. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ D. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$, CH_2O_2

Câu 4: Cho 12g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 43,2g kết tủa. CTPT của X là:

- A. HCOOCH_3 B. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$ C. HCOOC_2H_5 D. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_3$

Câu 5: Thủy phân hoàn toàn 11,44g este đơn chức, mạch hở X bằng 130ml dung dịch NaOH 1M vừa đủ thu được 5,98g một ancol Y. Tên gọi của X là:

- A. Metyl propionat B. Etyl axetat C. Etyl fommat D. Propyl axetat

Câu 6: Este no, đơn chức mạch hở có công thức tổng quát là:

- A. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{O}_2$ ($n \geq 1$) B. $\text{C}_n\text{H}_{2n+1}\text{O}_2$ ($n \geq 2$) C. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 1$) D. $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ($n \geq 2$)

Câu 7: Thủy phân 1,72g este X đơn chức, mạch hở (xúc tác axit) đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp 2 chất hữu cơ Y và Z. Cho Y, Z phản ứng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 8,64g bạc. CTCT của X là

- A. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ B. $\text{HCOOCH}_2-\text{CH}=\text{CH}_2$
C. $\text{HCOO}-\text{CH}=\text{CH}-\text{CH}_3$ D. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)=\text{CH}_2$

Câu 8: Trong các chất sau: glucozơ, axit axetic, tinh bột, saccarozơ, ancol etylic. Số chất **không** hoà tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 9: Để đốt cháy hoàn toàn 15,6g một este X ($M < 180$) cần 15,68 lít O_2 (đktc). Sản phẩm cháy được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch nước vôi trong dư thấy có m gam kết tủa, khối lượng dung dịch nước vôi trong giảm 32g. CTPT của X là:

- A. $\text{C}_4\text{H}_6\text{O}_2$ B. $\text{C}_7\text{H}_{10}\text{O}_2$ C. $\text{C}_7\text{H}_{10}\text{O}_4$ D. $\text{C}_7\text{H}_8\text{O}_4$

Câu 10: Có các chất béo: (1) $(\text{C}_{17}\text{H}_{33}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$; (2) $(\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$; (3) $(\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$;

(4) $(\text{C}_{17}\text{H}_{31}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5$. Các chất béo rắn (ở điều kiện thường) là:

- A. (1), (3), (4) B. (2), (3) C. (1), (4) D. (2), (3), (4)

Câu 11: Cho 0,15mol phenyl axetat tác dụng với 200ml dung dịch NaOH 2M thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 3,37 B. 8,2 C. 33,7 D. 39,7

Câu 12: Dãy các chất nào sau đây thuộc loại polisaccarit?

- A. Glucozơ, fructozơ B. Glucozơ, saccarozơ C. Tinh bột, saccarozơ D. Xenlulozơ, tinh bột

Câu 13: Để phân biệt các dung dịch etyl axetat, glucozơ, saccarozơ có thể dùng thuốc thử nào?

- A. $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ B. $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{OH}^-$ C. Nước brom D. NaOH

Câu 14: Từ 10 kg gạo nếp (có 80% tinh bột), khi lên men sẽ thu được bao nhiêu lít cồn 96°? Biết hiệu suất quá trình lên men đạt 90% và khối lượng riêng của ancol etylic là 0,8g/ml.

- A. $\approx 4,3$ lít B. $\approx 4,5$ lít C. $\approx 5,3$ lít D. $\approx 5,1$ lít

Câu 15: Số đồng phân amin bậc 2 ứng với CTPT $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 16: Đun nóng dung dịch chứa 27g glucozơ với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ vừa đủ thì được m gam kim loại Ag. Giá trị của m là:

- A. 10,8 B. 16,2 C. 21,6 D. 32,4

Câu 17: Amin đơn chức bậc nhất X tác dụng vừa đủ với 120 ml dung dịch HCl 1M thu được 9,78g muối. Tên của X là:

- A. Metyl amin B. Etyl amin C. Propyl amin D. Đimetyl amin

Câu 18: Hỗn hợp X gồm O_2 và O_3 có tỉ khối so với H_2 là 18. Hỗn hợp khí Y gồm etylamin và propylamin có tỉ khối so với H_2 là 26. Để đốt cháy hoàn toàn V_1 lít Y cần vừa đủ V_2 lít X (sản phẩm cháy gồm CO_2 , H_2O , N_2 , các chất đo ở cùng đk). Tỉ lệ $V_1 : V_2$ là:

- A. 4 : 1 B. 1 : 2 C. 2 : 1 D. 1 : 4

Câu 19: Dãy chất nào sau đây sắp xếp theo thứ tự lực bazơ tăng?

- A. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, CH_3NH_2 , NH_3 , $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , CH_3NH_2 , $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$
 C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$, CH_3NH_2 D. CH_3NH_2 , NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$

Câu 20: Hợp chất $\text{CH}_3\text{-NH-CH}_2\text{CH}_3$ có tên là:

- A. Etyl metyl amin B. Etyl metan amin C. Metyl etan amin D. Metyl etyl amin

Câu 21: Amino axit nào sau đây có tên thường là glixin?

- A. $\text{CH}_2(\text{NH}_2)\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$
 C. $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$

Câu 22: Cho các chất: $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$, NH_3 , $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$, NaOH , $\text{H}_2\text{N}(\text{CH}_2)_4\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. Số chất làm quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 23: X là một α - amino axit có 1 nhóm $-\text{NH}_2$, 1 nhóm $-\text{COOH}$ và có $m_C : m_O = 3 : 2$. CTCT của X là:

- A. $\text{CH}_2(\text{NH}_2)\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$
 C. $\text{CH}_2(\text{NH}_2)\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$

Câu 24: Hợp chất nào sau đây thuộc loại dipeptit?

- A. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{CH}_2\text{-CONH-CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{H}_2\text{N-CH}(\text{CH}_3)\text{-CONH-CH}_2\text{COOH}$
 C. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{CONH-CH}_2\text{CONH-CH}_2\text{COOH}$ D. $\text{H}_2\text{N-CH}_2\text{-CONH-CH}(\text{CH}_3)\text{CH}_2\text{-COOH}$

Câu 25: α - amino axit X chỉ chứa 1 nhóm $-\text{NH}_2$. Cho 14,24 gam X tác dụng với dd HCl dư thu được 20,08 gam muối khan. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

- A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$. C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$.

Câu 26: Tơ visco thuộc loại tơ nào dưới đây?

- A. Tơ nhân tạo B. Tơ thiên nhiên. C. Tơ tổng hợp D. Tơ polieste.

Câu 27: Chất nào dưới đây **không** tham gia phản ứng trùng hợp?

- A. Stiren B. Axit α -aminopropionic C. Vinyl clorua D. Axit acrylic

Câu 28: Dipeptit mạch hở X và tripeptit mạch hở Y đều được tạo nên từ 1 aminoaxit (no, mạch hở, trong phân tử chứa 1 nhóm $-\text{NH}_2$ và 1 nhóm $-\text{COOH}$). Đốt cháy hoàn toàn 0,12 mol Y, thu

được tổng khối lượng CO_2 và H_2O bằng 65,88 gam. Đốt cháy hoàn toàn 0,25 mol X, sản phẩm thu được cho lội từ từ qua nước vôi trong dư, tạo ra m gam kết tủa. Giá trị m là:

- A. 100 B. 140 C. 150 D.

120

Câu 29: Phân tử khối trung bình của cao su buna là 810000. Hệ số polime hoá của cao su buna là:

- A. 12000 B. 13000 C. 15000 D. 17000

Câu 30: Xenlulozơ trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric. Muốn điều chế 29,7 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 90%) thì thể tích axit nitric 95% ($D=1,52 \text{ g/ml}$) cần dùng là:

- A. 14,59 lít. B. 14,54 lít. C. 14,52 lít. D. 13,09 lít.

(Cho $O=16, H=1, Ag=108, Cl=35,5, N=14, C=12, Ca=40, Na=23$)

<u>CÂU</u>	<u>MÃ ĐỀ 121</u>
<u>1</u>	<u>D</u>
<u>2</u>	<u>B</u>
<u>3</u>	<u>C</u>
<u>4</u>	<u>A</u>
<u>5</u>	<u>B</u>
<u>6</u>	<u>D</u>
<u>7</u>	<u>C</u>
<u>8</u>	<u>A</u>
<u>9</u>	<u>D</u>
<u>10</u>	<u>B</u>
<u>11</u>	<u>C</u>
<u>12</u>	<u>D</u>
<u>13</u>	<u>B</u>
<u>14</u>	<u>C</u>
<u>15</u>	<u>A</u>
<u>16</u>	<u>D</u>
<u>17</u>	<u>B</u>
<u>18</u>	<u>D</u>
<u>19</u>	<u>B</u>

<u>20</u>	<u>A</u>
<u>21</u>	<u>C</u>
<u>22</u>	<u>C</u>
<u>23</u>	<u>D</u>
<u>24</u>	<u>B</u>
<u>25</u>	<u>D</u>
<u>26</u>	<u>A</u>
<u>27</u>	<u>B</u>
<u>28</u>	<u>C</u>
<u>29</u>	<u>C</u>
<u>30</u>	<u>B</u>

Thi Học Kỳ 1 Môn Hóa Học Lớp 12 Đề Số 4

Câu 1: Dãy các chất nào sau đây thuộc loại monosaccarit?

- A. Glucozơ, fructozơ B. Glucozơ, saccarozơ C. Fructozơ, saccarozơ D. Xelulozơ, tinh bột

Câu 2: Este no, đơn chức mạch hở có công thức tổng quát là:

- A. $C_nH_{2n+1}O_2(n \geq 1)$ B. $C_nH_{2n}O_2(n \geq 2)$ C. $C_nH_{2n}O_2(n \geq 1)$ D. $C_nH_{2n+1}O_2(n \geq 2)$

Câu 3: Có các chất béo: (1) $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$, (2) $(C_{15}H_{31}COO)_3C_3H_5$, (3) $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$,

(4) $(C_{17}H_{31}COO)_3C_3H_5$. Các chất béo lỏng (ở điều kiện thường) là:

- A. (1), (3), (4) B. (2), (3) C. (1), (4) D. (2), (3), (4)

Câu 4: Số đồng phân amin bậc 1 ứng với CTPT $C_4H_{11}N$ là:

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 5: Có bao nhiêu đồng phân cấu tạo este có cùng CTPT $C_4H_8O_2$?

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 6: Để phân biệt các dung dịch etyl axetat, glucozơ, saccarozơ có thể dùng thuốc thử nào?

- A. $AgNO_3/NH_3$ B. $Cu(OH)_2/OH^-$ C. Nước brom D. NaOH

Câu 7: Hợp chất $CH_3COOCH_2CH_3$ có tên gọi là:

- A. Metyl axetat B. Metyl propionat C. Etyl axetat D. Etyl fommat

Câu 8: Hợp chất $CH_3-NH-CH_2CH_3$ có tên là:

- A. Etyl metan amin B. Metyl etan amin
C. Etyl metyl amin D. Metyl etyl amin

Câu 9: Thủy phân hoàn toàn 10,56g este đơn chức, mạch hở X bằng 120ml dung dịch NaOH 1M vừa đủ thu được 3,84g một ancol Y. Tên gọi của X là:

- A. Metyl propionat B. Etyl axetat C. Etyl fommat D. Propyl axetat

Câu 10: Đốt cháy hoàn toàn 6,24g một este X ($M < 180$) cần 6,272 lít O_2 (đktc). Sản phẩm cháy được hấp thụ hoàn toàn vào dung dịch nước vôi trong dư thấy có m gam kết tủa, khối lượng dung dịch nước vôi trong giảm 12,8g. CTPT của X là:

- A. $C_4H_6O_2$ B. $C_7H_{10}O_2$ C. $C_7H_8O_4$ D. $C_7H_{10}O_4$

Câu 11: Dãy chất nào sau đây sắp xếp theo thứ tự lực bazơ tăng?

- A. $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2 , NH_3 , NaOH B. NH_3 , $C_6H_5NH_2$, CH_3NH_2 , NaOH
C. $C_6H_5NH_2$, NH_3 , CH_3NH_2 , NaOH D. CH_3NH_2 , NH_3 , $C_6H_5NH_2$, NaOH

Câu 12: Cho 0,1mol phenyl axetat tác dụng với 250ml dung dịch NaOH 1M thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X được mg chất rắn. Giá trị của m là:

- A. 21,8 B. 8,2 C. 19,8 D. 14,2

Câu 13: Amin đơn chức bậc nhất X tác dụng vừa đủ với 120ml dung dịch HCl 0,1M thu được 0,81g muối. Tên của X là:

- A. Metyl amin B. Etyl amin C. Propyl amin D. Đimetyl amin

Câu 14: α – amino axit X chỉ chứa 1 nhóm $-NH_2$. Cho 10,3 gam X tác dụng với dd HCl dư thu được 13,95 gam muối khan. Công thức cấu tạo thu gọn của X là:

A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. B. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$. C. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$. D. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$.

Câu 15: Trong các chất sau: glucozơ, axit axetic, tinh bột, saccarozơ, ancol etylic. Số chất hoà tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường là:

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 16: Hợp chất nào sau đây thuộc loại dipeptit?

A. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}_2\text{COOH}$

C. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2\text{CONH}-\text{CH}_2\text{CONH}-\text{CH}_2\text{COOH}$ D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CONH}-\text{CH}(\text{CH}_3)-\text{COOH}$

Câu 17: Tơ nylon-6 thuộc loại tơ nào dưới đây?

A. Tơ nhân tạo B. Tơ thiên nhiên. C. Tơ tổng hợp D. Tơ polieste.

Câu 18: Chất nào dưới đây cho phản ứng trùng hợp?

A. Axit aminoaxetic B. Axit α -aminopropionic C. Axit α -aminoglutaric D. Axit acrylic

Câu 19: Dipeptit X mạch hở và tripeptit Y mạch hở đều được tạo nên từ một amino axit (no, mạch hở, trong phân tử có chứa có 1 nhóm $-\text{NH}_2$, 1 nhóm $-\text{COOH}$). Đốt cháy hoàn toàn 0,15 mol Y thu được tổng khối lượng CO_2 và H_2O bằng 82,35g. Đốt cháy hoàn toàn 0,3 mol X, sản phẩm thu được dẫn qua nước vôi trong dư thu mg kết tủa. Giá trị m là:

A. 180 B. 120 C. 160 D. 140

Câu 20: Xenlulozơ trinitrat là chất dễ cháy và nổ mạnh, được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric. Muốn điều chế 29,7 kg xenlulozơ trinitrat (hiệu suất 90%) thì thể tích axit nitric 96% (D= 1,52 g/ml) cần dùng là:

A. 14,39 lít. B. 15,24 lít. C. 14,52 lít. D. 20,36 lít.

Câu 21: Khối lượng tinh bột cần dùng trong quá trình lên men để tạo thành 5 lít rượu etylic 46⁰ là (biết hiệu suất của cả quá trình là 72% và khối lượng riêng của ancol etylic nguyên chất là 0,8g/ml).

A. 6,0kg B. 5,4kg C. 5,0kg D. 4,5kg

Câu 22: Phân tử khối trung bình của PVC là 750000. Hệ số polime hoá của PVC là:

A. 12000 B. 13000 C. 15000 D. 17000

Câu 23: Cho 7,4g este X no, đơn chức phản ứng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 21,6g kết tủa. CTPT của X là:

A. HCOOCH_3 B. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_3$ C. HCOOC_2H_5 D. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)\text{CH}_3$

Câu 24: Thủy phân 4,3g este X đơn chức, mạch hở (xúc tác axit) đến phản ứng hoàn toàn thu được hỗn hợp 2 chất hữu cơ Y và Z. Cho Y, Z phản ứng với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$ dư thu được 21,6g bạc. CTCT của X là:

A. $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ B. $\text{HCOOCH}=\text{CH}-\text{CH}_3$
C. $\text{HCOOCH}_2-\text{CH}=\text{CH}_2$ D. $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)=\text{CH}_2$

Câu 25: Amino axit nào sau đây có tên thường là alanin?

A. $\text{NH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{CH}_3\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$
C. $\text{CH}_2(\text{NH}_2)\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ D. $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$

Câu 26: Đốt cháy hoàn toàn 0,22g một este đơn chức thu được 0,44g CO₂ và 0,18g H₂O. Vậy CTPT của ancol và axit tạo este là công thức nào sau đây?

- A. CH₄O, CH₂O₂ B. C₂H₆O, C₂H₄O₂ C. CH₄O, C₃H₄O₂ D. C₂H₆O, CH₂O₂

Câu 27: Cho các chất: C₆H₅NH₂, C₆H₅OH, CH₃NH₂, NH₃, H₂NCH₂COOH, H₂N(CH₂)₄CH(NH₂)COOH. Số chất làm quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là:

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 28: Đun nóng dung dịch chứa 9g glucozơ với dung dịch AgNO₃/NH₃ vừa đủ thu được m gam kim loại Ag. Giá trị của m là:

- A. 10,8 B. 21,6 C. 28,6 D. 26,1

Câu 29: Hỗn hợp X gồm O₂ và O₃ có tỉ khối so với H₂ là 22. Hỗn hợp khí Y gồm metylamin và etylamin có tỉ khối so với H₂ là 17,833. Để đốt cháy hoàn toàn V₁ lít Y cần vừa đủ V₂ lít X (sản phẩm cháy gồm CO₂, H₂O, N₂, các chất đo ở cùng đk). Tỉ lệ V₁: V₂ là:

- A. 1 : 1 B. 2 : 1 C. 1 : 2 D. 2 : 3

Câu 30: X là một α - amino axit có 1 nhóm -NH₂, 1 nhóm -COOH và có m_C : m_O = 3 : 2. CTCT của X là:

- A. CH₂(NH₂)CH₂COOH B. CH₃CH₂CH(NH₂)COOH
C. CH₂(NH₂)CH₂CH₂COOH D. CH₃CH(NH₂)COOH.

(Cho O=16, H=1, Ag=108, Cl=35,5, N=14, C=12, Ca=40, Na=23)

<u>MÃ ĐỀ 4</u>	
A	A
B	D
C	A
B	A
C	C
B	B
C	B
C	B
A	B
C	A
C	C
A	B
A	
C	
B	

Thi Học Kỳ 1 Môn Hóa Học Lớp 12 Đề Số 5

Câu 1: Thủy phân hết m gam tetrapeptit Ala –Ala –Ala –Ala (mạch hở) thu được hỗn hợp gồm 21,36 gam Ala, 16 gam Ala –Ala và 46,2 gam Ala –Ala –Ala. Giá trị của m là

- A. 78,52 B. 90,6 C. 81,54 D. 66,44

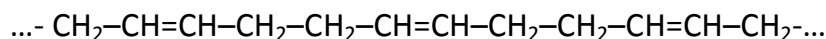
Câu 2: Cho các polime: polietilen, xenluloz, polipeptit, tinh bột, nilon-6, nilon 6,6, polibutadien. Dãy gồm các polime tổng hợp là

- A. polietilen, nilon-6, nilon 6,6, polibutadien B. polietilen, xenluloz, nilo-6, nilon 6,6
C. polietilen, nilon-6, nilon 6,6, tinh bột D. polietilen, nilon-6, xenluloz

Câu 3: Thủy phân hoàn toàn m gam dipeptit Gly –Ala thu được 4,1 gam hỗn hợp glyxin và alanin. Nếu hiệu suất phản ứng 100% thì giá trị của m là

- A. 3,63 B. 3,65 C. 2,45 D. 2,75

Câu 4: Một polime có cấu tạo mạch như sau:



Vậy công thức của monome tạo ra polime trên là

- A. $\text{CH}_2 - \text{CH} = \text{CH} - \text{CH}_2$ B. $\text{CH}_3 - \text{CH} = \text{CH}_2$
C. $\text{CH}_2 = \text{CH}_2$ D. $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CH} = \text{CH}_2$

Câu 5: Công thức cấu tạo nào sau đây thuộc loại α -aminoaxit ?

- A. $\text{CH}_3 - \text{CH}(\text{NH}_2) - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{COOH}$ B. $\text{NH}_2 - \text{CH}_2 - \text{COO} - \text{CH}_3$
C. $\text{NH}_2 - \text{CH}_2 - \text{CH}_2 - \text{COOH}$ D. $\text{CH}_3 - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CH}(\text{NH}_2) - \text{COOH}$

Câu 6: Một cation kim loại M^{n+} có cấu electron lớp ngoài cùng $2s^2 2p^6$. Vậy kim loại M là kim loại nào sau đây?

A. K (Z = 19)

B. Cu (Z= 29)

C. Na (Z =11)

D. Ca (Z = 20)

Câu 7: Hòa tan hoàn toàn m gam hỗn hợp (X) gồm một kim loại hóa trị II và một kim loại hóa trị III vào một lượng vừa đủ dung dịch HNO₃ thì thu được 6,108 gam hỗn hợp muối và 1,8816 lít khí NO₂ (ở đktc và là sản phẩm khử duy nhất). Vậy giá trị của m là

A. 0,68

B. 0,75

C. 0,9

D. 0,63

Câu 8: Để khử mùi tanh của cá trước khi nấu, biết rằng mùi tanh của cá (đặc biệt cá mè) là hỗn hợp các amin (nhiều nhất là trimetylamin) và một số các chất khác, ta có thể dùng hóa chất nào sau đây?

A. HCl

B. NaCl (muối ăn)

C. H₂O

D. CH₃COOH (giấm)

Câu 9: Polime nào sau đây được tổng hợp bằng phản ứng trùng ngưng?

A. Poliacrilonitrin

B. Polibutadien

C. Poli(vinyl clorua)

D. Poli(etylen terephtalat)

Câu 10: Cho các chất sau: HCl, NaCl, NH₂-CH₂-COOH, Cu, KOH, NH₃, C₂H₅OH. Trong điều kiện phản ứng thích hợp số chất phản ứng được với glixin là

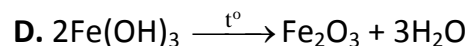
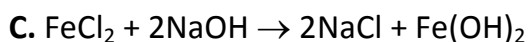
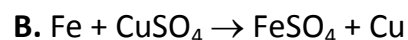
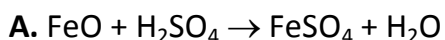
A. 6

B. 4

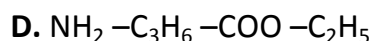
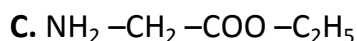
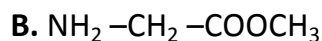
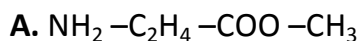
C. 5

D. 7

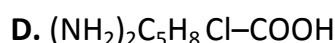
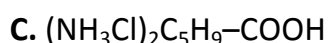
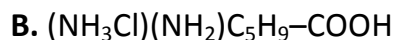
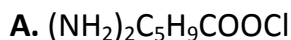
Câu 11: Phản ứng hóa học nào sau đây thuộc loại phản ứng oxi hóa – khử?



Câu 12: (X) là một aminoaxit trong phân tử có một nhóm -NH₂ và một nhóm -COOH; (Y) là một ancol no, đơn chức, mạch hở; (Z) là este tạo bởi (X) và (Y). Cho 4,005 gam (Z) tác dụng với dung dịch NaOH và đun nóng thu được 4,365 gam muối. Vậy công thức của (Z) có thể là



Câu 13: Sản phẩm khi cho $(\text{NH}_2)_2\text{C}_5\text{H}_9\text{COOH}$ tác dụng với HCl dư là



Câu 14: Số đồng phân α -aminoaxit ứng với công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{11}\text{O}_2\text{N}$ là

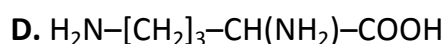
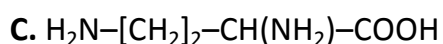
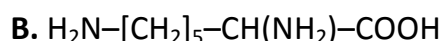
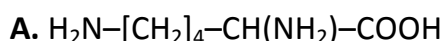
A. 4

B. 5

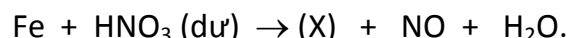
C. 3

D. 6

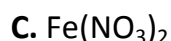
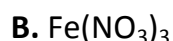
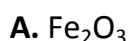
Câu 15: Tên gọi axit 2,6-diaminohexanoic ứng với công thức cấu tạo nào sau đây?



Câu 16: Ta có phương trình phản ứng :



(X) có công thức là



Câu 17: Hòa tan hoàn toàn 0,904 gam hỗn hợp hai kim loại Fe và Mg vào dung dịch HCl có dư thì thu được 0,5152 lít khí H_2 (đktc) và dung dịch (X). Cô cạn dung dịch (X) thì thu được m gam muối khan. Giá trị của m là

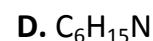
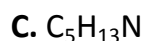
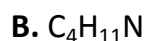
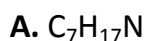
A. 1,762

B. 2,569

C. 1,596

D. 2,537

Câu 18: Đốt cháy hoàn toàn 1,5149 gam một amin no, đơn chức, mạch hở (X) thu được 2,016 lít CO_2 (đktc). Vậy công thức của (X) là



Câu 19: Từ 1,45 tấn axit ω -aminoenantoic ($\text{H}_2\text{N}-[\text{CH}_2]_6-\text{COOH}$) ta có thể điều chế được bao nhiêu tấn nylon-7, nếu hiệu suất điều chế là 70%?

- A. 1,27 tấn B. 0,889 tấn C. 0,89 tấn D. 1,2 tấn

Câu 20: Một phân tử peptit được tạo từ các phân tử glyxin có công thức như sau $\text{H}-[\text{NH}-\text{CH}_2-\text{CO}]_6-\text{OH}$ số liên kết peptit trong phân tử peptit trên là

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 7

Câu 21: Ta có một phân tử peptit sau: Ala –Gly –Lys –Ala –Gly. Khi thủy phân không hoàn toàn **không** thể tạo ra

- A. Ala –Lys B. Lys –Ala C. Gly –Lys D. Ala –Gly

Câu 22: Phân tử peptit nào sau đây không tham gia phản ứng tạo màu biure?

- A. $\text{NH}_2 - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}_2 - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}_2 - \text{COOH}$
 B. $\text{NH}_2 - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}_2 - \text{COOH}$
 C. $\text{NH}_2 - \text{CH}_2 - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{COOH}$
 D. $\text{NH}_2 - \text{CH}_2 - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}(\text{CH}_3) - \text{CO} - \text{NH} - \text{CH}_2 - \text{COOH}$

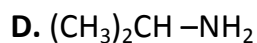
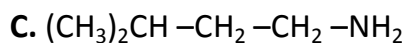
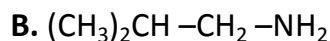
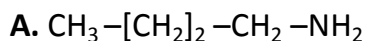
Câu 23: Sản phẩm trùng ngưng của axit 7-aminoheptanoic (axit ω -aminoenantoic) có công thức là

- A. $-(\text{NH} - [\text{CH}_2]_5 - \text{CO}) -$ B. $-(\text{NH} - [\text{CH}_2]_6 - \text{CO})_n -$
 C. $-(\text{NH} - [\text{CH}_2]_5 - \text{CO})_n -$ D. $-(\text{NH} - [\text{CH}_2]_6 - \text{CO}) -$

Câu 24: Trong các hợp chất amin sau đây hợp chất nào thuộc loại amin no, đơn chức, mạch hở?

- A. $\text{C}_6\text{H}_{16}\text{N}_2$ B. $\text{C}_4\text{H}_9\text{N}$ C. $\text{C}_5\text{H}_{13}\text{N}$ D. $\text{C}_6\text{H}_7\text{N}$

Câu 25: Một amin có tên gọi isobutylamin ứng với công thức cấu tạo thu gọn là



Câu 26: Một amin có công thức cấu tạo $(\text{CH}_3)_2\text{CH} - \text{NH}_2$ có tên gọi là

A. propylamin

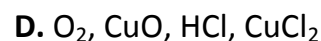
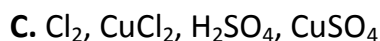
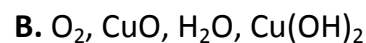
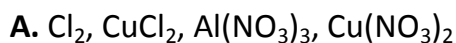
B. etylamin

C. isopropylamin

D. propan-1-amin

Câu 27: Ta có sơ đồ phản ứng sau: Khí (A) $\xrightarrow{+ \text{Cu}}$ (B) $\xrightarrow{+ \text{D}}$ (E) $\xrightarrow{+ \text{Fe}}$ Cu

Vậy (A), (B), (D), (E) lần lượt là



Câu 28: Ta có các hợp chất sau: $\text{CH}_3 - \text{NH}_2$ (a); NH_3 (b); $(\text{CH}_3)_2\text{NH}$ (c); $\text{C}_6\text{H}_5 - \text{NH}_2$ (d). Hợp chất có lực baz mạnh nhất là

A. (d)

B. (a)

C. (b)

D. (c)

Câu 29: Tính chất vật lý nào sau đây thuộc tính chất vật lý chung của kim loại?

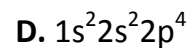
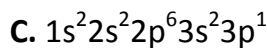
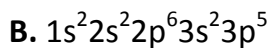
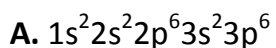
A. Tính dẻo

B. Tính cứng

C. Nhiệt độ nóng chảy

D. Khối lượng riêng

Câu 30: Cấu hình electron nguyên tử nào sau đây là của nguyên tử kim loại?



Câu 31: Ứng với amin $\text{C}_4\text{H}_{11}\text{N}$ có

A. 4 đồng phân amin bậc hai, 2 đồng phân amin bậc ba.

B. 4 đồng phân amin bậc một, 3 đồng phân amin bậc hai.

C. 3 đồng phân amin bậc một, 3 đồng phân amin bậc hai.

D. 3 đồng phân amin bậc hai, 2 đồng phân amin bậc ba.

Câu 32: Ta có phương trình phản ứng: $2M + 2H_2O \rightarrow 2MOH + H_2$.

Vậy M là kim loại nào sau đây?

- A. Ag B. K C. Ba D. Be

Câu 33: Một amin no, mạch không phân nhánh, trong phân tử chứa hai nhóm $-NH_2$ có thành phần phần trăm khối lượng nitơ bằng 24,138%. Vậy công thức của amin có thể là

- A. $NH_2-[CH_2]_7-NH_2$ B. $NH_2-[CH_2]_5-NH_2$
 C. $NH_2-[CH_2]_4-CH(CH_3)-NH_2$ D. $NH_2-[CH_2]_6-NH_2$

Câu 34: Khi cho một mẫu kim loại Na vào lọ đựng dung dịch $CuSO_4$. Hiện tượng nào sau đây **không** xảy ra?

- A. có kim loại Cu thoát ra B. có khí H_2 thoát ra
 C. có kết tủa màu xanh lam D. màu xanh dung dịch nhạt dần

Câu 35: (X) là một aminoaxit có công thức dạng $NH_2R(COOH)_2$ tác dụng vừa đủ với dung dịch chứa 1,8 gam NaOH. Sau phản ứng thu được 4,2975 gam muối. Vậy công thức của aminoaxit là

- A. $NH_2C_3H_5(COOH)_2$ B. $NH_2C_5H_9(COOH)_2$
 C. $NH_2C_4H_7(COOH)_2$ D. $NH_2C_6H_{11}(COOH)_2$

Câu 36: Ta có sơ đồ phản ứng sau: $(A) \xrightarrow{+ HCl} (B) \xrightarrow{+ NaOH} (C) \xrightarrow{+ AgNO_3} (D \downarrow)$

(A), (B), (C), (D) lần lượt là các chất sau

- A. $C_6H_5NH_2$, $C_6H_5NH_3Cl$, C_6H_5OH , AgOH
 B. $C_2H_5NH_2$, $C_2H_5NH_3Cl$, NaCl, $NaNO_3$
 C. $C_6H_5NH_2$, $C_6H_5NH_3Cl$, NaCl, AgCl

D. CH_3NH_2 , $\text{CH}_3\text{NH}_3\text{Cl}$, HCl , AgCl

Câu 37: Ngâm một cây đinh sắt (đã làm sạch) 500 ml dung dịch CuSO_4 0,05M. Khi phản ứng kết thúc (dung dịch mất màu xanh) thì thấy khối lượng cây đinh sắt tăng thêm m gam. Giá trị của m là

A. 0,2

B. 1,9

C. 1,6

D. 2

Câu 38: Một aminoaxit có công thức dạng $(\text{NH}_2)_2\text{RCOOH}$, tác dụng vừa đủ với 0,025 mol HCl thu được 2,7375 gam muối. Vậy công thức của aminoaxit là

A. $(\text{NH}_2)_2\text{C}_5\text{H}_9\text{COOH}$

B. $(\text{NH}_2)_2\text{C}_6\text{H}_{11}\text{COOH}$

C. $(\text{NH}_2)_2\text{C}_4\text{H}_7\text{COOH}$

D. $(\text{NH}_2)_2\text{C}_3\text{H}_5\text{COOH}$

Câu 39: Hỗn hợp (X) gồm có một amin no, đơn chức, mạch hở và một amin đơn chức, mạch hở, không no có một nối đôi. Đốt cháy hoàn toàn (X) ta thu được 1,4336 lít CO_2 (đktc) và 1,8 gam hơi nước. Thể tích (đktc) khí oxi cần dùng là

A. 2,5312 lít

B. 2,5760 lít

C. 2,0588 lít

D. 2,5536 lít

Câu 40: Cho các chất sau: $\text{NH}_2\text{--CH}_2\text{--COOH}$, $\text{CH}_3\text{--CH}(\text{CH}_3)\text{--CH}(\text{NH}_2)\text{--COOH}$, $\text{H}_2\text{N--}[\text{CH}_2]_4\text{--CH}(\text{NH}_2)\text{--COOH}$, $\text{HOOC--CH}(\text{NH}_2)\text{--CH}_2\text{--CH}_2\text{--COOH}$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{--OH}$, H--COOH , $\text{NH}_3\text{Cl--CH}_2\text{--COOH}$. Số chất có khả năng làm hóa đỏ quỳ tím là

A. 3

B. 2

C. 4

D. 5

Học sinh không được sử dụng bảng hệ thống tuần hoàn và bảng tính tan

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN KIỂM TRA HỌC KỲ I - NĂM HỌC: 2015- 2016**MÔN HÓA KHỐI 12**

1	A	9	D	17	D	25	B	33	D
2	A	10	C	18	D	26	C	34	A
3	B	11	B	19	B	27	D	35	A
4	D	12	B	20	B	28	D	36	C
5	D	13	C	21	A	29	A	37	A
6	C	14	C	22	C	30	C	38	A
7	C	15	A	23	B	31	B	39	D
8	D	16	B	24	C	32	B	40	A